

Số: 2773/TB-UBND

Định Hóa, ngày 03 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO

**Niêm yết công khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước
xã Định Hóa 06 tháng năm 2026**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 133/2025/TT-BTC ngày 24/12/2025 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Thông tư 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Công văn số 3073/STC-TH&QLNS ngày 05/4/2026 của Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên về việc thực hiện công khai ngân sách cấp xã;

Ủy ban Nhân dân xã Định Hóa thông báo đến Đảng ủy - HĐND - các tổ chức chính trị - xã hội và các ông, bà trưởng xóm một số nội dung như sau:

1. UBND xã thực hiện việc niêm yết công khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước xã Định Hóa 06 tháng năm 2026 bằng hình thức niêm yết tại trụ sở làm việc, nhà văn hóa các xóm trên địa bàn xã và đăng tải trên cổng thông tin điện tử tại địa chỉ: <http://dinhhoa.thainguyen.gov.vn> chuyên mục công khai ngân sách.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Thời gian niêm yết: bắt đầu từ 8 giờ 00 phút ngày 03 tháng 7 năm 2026 (*thời gian công khai là 30 ngày liên tục kể từ ngày bắt đầu niêm yết công khai*).

2. Giao cho Trung tâm dịch vụ tổng hợp thông báo trên cụm loa truyền thanh của xóm, các xóm thông báo thông qua buổi họp xóm về hình thức niêm yết và số liệu công khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước xã Định Hóa 06 tháng năm 2026 để bà con nhân dân được biết.

Trên đây là Thông báo của UBND xã về việc niêm yết công khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước xã Định Hóa 06 tháng năm 2026. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội, các bộ phận chuyên môn và các ông, bà trưởng xóm triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- UBMTTQ xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan đơn vị thuộc xã;
- Lưu: VP, PKT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Tuấn



TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP 06 THÁNG NĂM 2026

(Kể theo Thông báo số: 2773/TB-UBND ngày 03/7/2026 của UBND xã Định Hoá

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước so (%)	
			6 tháng	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm
A	B	I	2	3	4=3/I	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	45.775.000.000	54.404.739.545	54.452.246.439	119%	119%
I	Thu nội địa	45.775.000.000	54.404.739.545	54.452.246.439	119%	119%
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	41.792.000.000	172.124.156.620	172.124.156.620		
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	41.792.000.000	46.193.338.026	46.193.338.026	111%	51%
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	30.505.000.000	21.028.465.527	21.028.465.527	69%	69%
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	11.287.000.000	25.164.872.499	25.164.872.499	223%	223%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		124.331.534.594	124.331.534.594		
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách		51.975.000.000	51.975.000.000		

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước so (%)	
			6 tháng	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=3/I</i>	<i>5</i>
2	Thu bổ sung có mục tiêu		72.356.534.594	72.356.534.594		
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư					
V	Các khoản huy động, đóng góp		1.599.284.000	1.599.284.000		
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		22.288.336.000	22.288.336.000		
C	TỔNG CHI NSDP	214.044.534.594	106.246.876.744	106.246.876.744		
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	198.804.000.000	101.199.503.964	101.199.503.964		
1	Chi đầu tư phát triển	8.120.000.000	15.542.930.000	15.542.930.000		
2	Chi thường xuyên	187.250.000.000	82.637.273.964	82.637.273.964		
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi trả nợ lãi					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN	3.434.000.000	1.420.000.000	1.420.000.000		
8	Các nhiệm vụ chi khác					
9	Chi viện trợ		1.599.300.000	1.599.300.000		
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW	11.806.534.594	5.047.372.780	5.047.372.780		

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước so (%)	
			6 tháng	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=3/I</i>	<i>5</i>
	cho NSDP					
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					



UBND XÃ ĐỊNH HOÁ

Mẫu biểu số 55

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN 06 THÁNG NĂM 2026

Kèm theo Thông báo số: 2773/TB-UBND ngày 03/7 /2026 của UBND xã Định Hoá

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước so (%)	
			6 tháng	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	45.775.000.000	54.404.739.545	54.452.246.439	119%	119%
I	Thu nội địa	45.775.000.000	54.404.739.545	54.452.246.439	119%	119%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	680.000.000	340.590.992	388.097.886	50%	57%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	19.635.000.000	15.207.455.110	15.207.455.110	77%	77%
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.500.000.000	1.961.123.285	1.961.123.285	56%	56%
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí	9.590.000.000	4.351.550.617	4.351.550.617	45%	45%
	<i>Trở: Lệ phí trước bạ</i>	7.220.000.000	3.807.192.725	3.807.192.725	53%	53%
7	Các khoản thu về nhà, đất	8.370.000.000	31.948.762.405	31.948.762.405	382%	382%
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>					
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	150.000.000	133.900.817	133.900.817	89%	89%
-	<i>Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	220.000.000	347.220.838	347.220.838		
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	8.000.000.000	31.467.640.750	31.467.640.750	393%	393%
-	<i>Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN</i>					
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển					
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
10	Thu từ hoạt động xổ số					

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước so (%)	
			6 tháng	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm
A	B	1	2	3	4	5
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
-	<i>Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế</i>					
-	<i>Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước</i>					
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác					
14	Thu khác ngân sách	4.000.000.000	595.257.136	595.257.136	15%	15%
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu					
7	Thuế khác					
IV	Thu viện trợ					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác					
1	Thuế GTGT					

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước so (%)	
			6 tháng	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm
A	B	1	2	3	4	5
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	41.792.000.000	46.193.338.026	46.193.338.026	111 %	111 %
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP	11.287.000.000	25.164.872.499	25.164.872.499	223%	223%
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	30.505.000.000	21.028.465.527	21.028.465.527	69%	69%
D	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	0	124.331.534.594	124.331.534.594		
1	Bổ sung cân đối		51.975.000.000	51.975.000.000		
2	Bổ sung mục tiêu		72.356.534.594	72.356.534.594		
E	Thu chuyển nguồn		22.288.336.000	22.288.336.000		
F	Các khoản huy động, đóng góp		1.599.284.000	1.599.284.000		



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN 06 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số: 2773/TB-UBND ngày 03/7/2026 của UBND xã Định Hoá

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước so (%)	
			6 tháng	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSDP	210.610.534.594	106.246.876.744	106.246.876.744	53%	53%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	198.804.000.000	101.199.503.964	101.199.503.964	51%	51%
I	Chi đầu tư phát triển	8.120.000.000	15.542.930.000	15.542.930.000	191%	191%
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	8.120.000.000	5.199.000.000	5.199.000.000	64%	64%
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia		10.343.930.000	10.343.930.000		
II	Chi trả nợ lãi					
III	Chi thường xuyên	187.250.000.000	82.637.273.964	82.637.273.964	44%	44%
	<i>Trong đó:</i>					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	109.164.000.000	48.345.553.642	48.345.553.642	44%	44%
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	861.000.000				
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ	1.599.300.000	1.599.300.000	1.599.300.000		
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	3.434.000.000	1.420.000.000	1.420.000.000		
VIII	Chi cải cách tiền lương, tính giảm biên chế					

IX	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	11.806.534.594	5.047.372.780	5.047.372.780		
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	11.806.534.594	5.047.372.780	5.047.372.780		
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					

